

Bản án số: 03/2020/HNGD-ST

Ngày 25- 02-2020

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Sái Đức Trung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hoi

Bà Thân Thị Quyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: Ông Lưu Nguyễn Vũ, chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2020, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên xét sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 230/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lý Thị H, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Xóm L, xã U, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

Bị đơn: Anh Dương Văn T, sinh năm 1992.

Nơi ĐKKHKT : Xóm L, xã U, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Hiện đang chấp hành án phạt tù tại phân trại số 2 Trại giam Vĩnh Quang.

(Vắng mặt có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân:

Nguyên đơn chị Lý Thị H trình bày: Chị và anh Dương Văn T có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã U, ngày 20/04/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với gia đình bố mẹ chồng tại xóm L, xã U. Tình cảm vợ, chồng hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn: Nguyên nhân do anh T mắc tệ nạn xã hội, sử dụng ma túy, lô đề, cờ bạc, chị và gia đình đã khuyên bảo nhưng anh T không thay đổi. Hiện nay, anh T đang phải đi chấp hành án phạt tù 42 tháng tù từ ngày 13/7/2019, vợ, chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Dương Văn T.

- *Về nuôi con:* Cháu Dương Gia B, sinh ngày 09/11/2015, chị H có nguyện vọng được nuôi cháu B, vì cháu còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ.

- *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:* Chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Vì anh T đang phải chấp hành án phạt tù nên không có điều kiện để nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị H khẳng định vợ chồng không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Dương Văn T trình bày: Qua làm việc tại phân trại số 2 Trại giam Vĩnh Quang cho biết, anh Dương Văn T đến chấp hành án tù từ ngày 13/7/2019. Quá trình giải quyết vụ án, anh T đang phải chấp hành án phạt tù tại phân trại số 2 Trại giam Vĩnh Quang nên không thể đến Tòa án để tham gia tố tụng.

Vì vậy, Tòa án đã tổng đạt, lấy lời khai và tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 02/01/2020 tại phân trại số 2 Trại giam Vĩnh Quang theo quy định của pháp luật.

Anh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng (thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải) và đã trình bày nội dung trong biên bản lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh T không ký xác nhận vào các thủ tục nêu trên. Tại biên bản làm việc ngày 02/01/2020, anh T có trình bày lý do anh không ký vào các biên bản là do anh chưa đồng ý ly hôn vào thời điểm này. Nếu chị H vẫn kiên quyết ly hôn anh đề nghị Tòa án tiến hành giải theo quy định pháp luật và giải quyết vắng mặt anh tại phiên tòa.

- *Về nuôi con:* Cháu Dương Gia B, sinh ngày 09/11/2015, anh T có nguyện vọng để bố mẹ (tức ông bà nội của cháu) trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu B.

- *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:* Anh T không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh T khẳng định vợ chồng không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên tòa, chị H đề nghị được ly hôn với anh Dương Văn T, được nuôi con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Ngoài ra, chị không có yêu cầu gì khác và vẫn giữ nguyên quan điểm của mình như đã nêu trên.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng*: của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Về phía nguyên đơn chị Huế chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 của BLTTDS; Bị đơn anh T không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của BLTTDS.

- *Về việc giải quyết vụ án*:

Về quan hệ hôn nhân: Tòa án đã kiên trì hoà giải nhưng các bên không thỏa thuận được việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án. Như vậy, quan hệ hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Lý Thị H được ly hôn với anh Dương Văn T.

Về nuôi con: Trên cơ sở xem xét điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu Dương Gia B, sinh ngày 09/11/2015, cháu B hiện đang được chị H chăm sóc, nuôi dưỡng từ nhỏ cho đến nay. Còn anh T hiện nay đang đi chấp hành án phạt tù tại Trại giam Vĩnh Quang nên không thể giao cho anh T trực tiếp nuôi con được, vì giao con cho người không đủ điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng thì sẽ ảnh hưởng tới sự phát triển của cháu. Vì vậy, cần giao cháu B cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp lợi ích của con.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Về quyền thăm nom con: Sau khi ly hôn, anh T là người không trực tiếp nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết anh T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải tạo điều kiện cho các đương sự về thời gian để suy nghĩ, tìm biện pháp giải quyết mâu thuẫn vợ

chồng, để đoàn tụ gia đình cùng nhau xây dựng hạnh phúc và nuôi dạy con trưởng thành. Nhưng chị H và anh T vẫn giữ nguyên quan điểm về việc giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Vì vậy, Tòa án phải quyết định đưa vụ án ra xét xử công khai theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về ly hôn. Bị đơn anh Dương Văn T có địa chỉ: Xóm L, xã U, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do anh T hiện đang phải chấp hành án phạt tù nên anh T không thể đến Tòa án để tham gia tố tụng được; anh T đã có ý kiến đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ quy định khoản 1 Điều 228 của BLTTDS, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt anh Dương Văn T theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị H và anh Dương Văn T có đăng ký kết hôn tự nguyện tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Lý do chị H xin ly hôn anh T là do anh T không tu chí làm ăn, ham chơi, mắc tệ nạn xã hội, sống thiếu trách nhiệm với gia đình và bạo lực gia đình. Chị H đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh T không thay đổi, anh T đã phạm tội về ma túy và phải đi chấp hành án phạt tù từ ngày 13/7/2019 dẫn đến vợ chồng sống ly thân nhau, anh T cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Như vậy, quan hệ hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án cho chị Lý Thị H được ly hôn với anh Dương Văn T.

[2.2] Về quyền nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và quyền thăm nom con: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Dương Gia B, sinh ngày 09/11/2015.

- Về nuôi con: Do chị H và anh T đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Dương Gia B. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn không thỏa thuận được về người trực tiếp nuôi con. Hội đồng xét xử xem xét về điều kiện làm việc, thu nhập và các yếu tố khác để việc giao cháu B cho người có điều kiện tốt nhất chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu phát triển về mọi mặt.

Xét điều kiện thực tế hiện nay: Chị H làm công nhân có thu nhập ổn định, đang trực tiếp nuôi dưỡng và cháu B dưới 36 tháng tuổi, nên cần sự chăm sóc của người mẹ. Đối với anh T, hiện đang phải chấp hành án phạt tù tại Trại giam nên không có

điều kiện để nuôi dưỡng cháu B. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu B cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác là phù hợp với quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

- Về quyền thăm nom con: Sau khi ly hôn, anh T không trực tiếp nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết anh T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh T đều xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lý Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 227, 228, 271 và Điều 273 của BLTTDS năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lý Thị Huế.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị H được ly hôn với anh Dương Văn T.

2. Về nuôi con: Giao cháu Dương Gia B, sinh ngày 09/11/2015 cho chị Lý Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Lý Thị H không yêu cầu anh Dương Văn T phải cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

4. Về quyền thăm nom con: Sau khi ly hôn anh T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết anh T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

5. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

6. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lý Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001001 ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

7. Thông báo về quyền kháng cáo: Có mặt nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên bản án. Vắng mặt bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND huyện, tỉnh;
- T.H.A DS huyện;
- Các đương sự trong vụ án;
- UBND xã Ú;
- Lưu HS, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sái Đức Trung